

# XÂY DỰNG THỂ CHẾ TẠO NIỀM TIN CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TẠI VIỆT NAM

## ESTABLISHING TRUST- GAINING INSTITUTIONS TO BOOST THE INVESTMENT AND GROWTH OF ENTERPRISES IN VIETNAM

Ngày nhận bài: 17/07/2017

Ngày chấp nhận đăng: 28/02/2018

*Nguyễn Hồng Nga*

*Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TP.HCM trong Nhiệm vụ: "Phân tích và đánh giá vai trò kinh tế của nhà nước tại Việt Nam" (Mã số: NV/2017-02)*

### TÓM TẮT

Việt Nam đang mong muốn đến năm 2025 có khoảng 5 triệu doanh nghiệp. Đây là một thách thức đối với nền kinh tế khi số doanh nghiệp chính thức hiện nay chỉ khoảng 800 ngàn. Việc tạo niềm tin cho DN là hết sức cần thiết để các DN hình thành và phát triển. Bài viết nhấn mạnh vai trò của thể chế trong việc tạo niềm tin cho các DN và nghiên cứu cũng đưa ra 5 giải pháp nâng cao chất lượng thể chế kinh tế tại Việt Nam để làm tiền đề cho mục tiêu 5 triệu DN đến năm 2025.

**Từ khóa:** Niềm tin, thể chế, doanh nghiệp, Việt Nam

### ABSTRACT

Vietnam is expected by 2025 to have about 5 million enterprises. This is a challenge for the economy when the official number of enterprises today is about 800 thousand. Creating trust for enterprises is very necessary for enterprises to form and develop. The article emphasizes the role of institutions in creating trust for businesses and research also offers six solutions to improve the quality of economic institutions in Vietnam to set the premise for the target of 5 million businesses by 2025.

**Keywords:** trust, institution, enterprise, Viet Nam.

### 1. Dẫn nhập

Việt Nam đã có những bước tiến trong tăng trưởng và phát triển kinh tế trong 30 năm qua. Trong 3 thập niên qua Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế đáng tự hào với con số gần 7% bình quân một năm. Về qui mô nền kinh tế, Việt Nam xếp thứ 50 trên thế giới với 191 tỷ USD, đứng khoảng thứ 129 về chỉ số GDP bình quân đầu người (năm 2015). Nhờ tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân đầu người đã tăng từ 140 USD năm 1990 lên 2300 USD năm 2016. Nếu tính GDP theo PPP thì chúng ta đứng thứ 35 với chỉ số 552 tỷ USD và GDP bình quân theo PPP đứng thứ 125 với 6022 USD một người (trung bình của thế giới là 15464 USD, tức là GDP bình quân của VN chỉ chiếm 38.9% GDP bình quân của thế giới)

(World Economic Outlook, April 2016)<sup>i</sup>, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 41.6 % vào năm 1993 còn khoảng 4.5% vào cuối năm 2015. Tuy nhiên nền kinh tế còn nhiều điều bất ổn về mặt vĩ mô, nền kinh tế tăng trưởng dựa vào chủ yếu lao động và khai thác tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề về môi trường, an sinh xã hội, tham nhũng, lợi ích nhóm...là những bài toán cần giải quyết. Số lượng doanh nghiệp còn chưa nhiều với khoảng 700 ngàn doanh nghiệp, trong đó số DN vừa chiếm 2%, DN nhỏ chiếm 96% và DN lớn có tỷ trọng 2%. Việc thiếu đi nhóm DN vừa khiến 96% các DN nhỏ và siêu nhỏ không thể kết nối với 2% nhóm DN quy mô lớn còn lại, nền kinh tế Việt Nam từ đó thiếu đi sự

---

Nguyễn Hồng Nga, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TP.HCM

kết dính (Vũ Thành Tự Anh, 2017). Trong khi Trung Quốc với số dân gấp 15 lần VN có số DN là 77.5 triệu. Đồng nghĩa với việc chúng ta cần có số DN khoảng 5 triệu để so sánh với Trung Hoa. Tại Mỹ có khoảng 190 triệu công ty, trong đó gần 30 triệu là doanh nghiệp nhỏ, chiếm 16% tổng DN. (Global Entrepreneurship Monitor (GEM)

Câu hỏi đặt ra, điều gì cản trở một đất nước có dân số đứng thứ 13 trên thế giới với tiềm năng to lớn về điều kiện tự nhiên, với con người thông minh, chăm chỉ, cần cù và chịu khó, một đất nước của mấy ngàn năm văn hiến chỉ đạt thành công chưa như mong muốn của đa số người dân? Nút thắt nào, nếu được cởi trói sẽ giải phóng và sử dụng các nguồn lực hiệu quả nhất tại đất nước hình chữ S này? Chúng tôi cho rằng, Thể chế là bài toán quan trọng và là thách thức lớn trong việc tạo động lực và phát huy mọi nguồn lực để đạt được niềm tin trong nhân dân, nhất là giới doanh nhân cho phát triển kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 20 năm tới.

## 2. Khái niệm lòng tin

Trust trong tiếng Anh hay chữ Vertrauen trong tiếng Đức đều bắt nguồn từ chữ Gothic “Trauan”, có nghĩa là “Mạnh mẽ, chắc nịch như một cây cổ thụ”. Nghĩa bóng của nó là: Đúng đắn, chân thật, đích thực và không có chút dính lứu gì đến việc tin mù quáng.

Theo Niklas Luhmann, một trong những ông tổ của lý thuyết hệ thống, nhận ra có một phép biện chứng của lòng tin: Lòng tin là Cơ chế giảm thiểu tính phức tạp của xã hội, thậm trí là một sự Mạo hiểm được tạm ứng từ phía người dân không đủ thông tin và thời gian. (9, tr 11).

Simmel, một nhà xã hội Đức cho rằng sự tin cậy là “một tình trạng trung gian giữa sự hiểu biết và không hiểu biết và ông định nghĩa sự tin cậy là “một giả thuyết về một ứng xử tương lai, khá chắc chắn để người ta có thể dựa vào đó để hành động”. (9, tr 19).

Từ điển Oxford định nghĩa Sự tin cậy là tin rằng người nào đó hay cái gì đó là tốt, thành thật, tử tế...và người đó hay cái gì đó sẽ không làm hại hay đánh lừa mình. Theo từ điển Oxford thì niềm tin (trust) là tin rằng người nào đó hay cái gì đó là tốt, thành thật, tử tế...và người đó hay cái gì đó sẽ không hại mình hay đánh lừa mình Từ này có nguồn gốc từ chữ Gothic “Trauan” có nghĩa là đúng đắn, chân thật, đích thực và không có chút dính lứu gì đến việc tin mù quáng. (9, trang 28) Nhà xã hội học người Anh Anthony Giddens (1996) đưa ra khái niệm: Có thể nói sự tin cậy là một phương tiện làm ổn định các mối quan hệ tương tác (giữa con người với nhau), có thể tin cậy vào người khác là có thể tin rằng người này sẽ có một loạt những phản ứng mà mình mong đợi (tài liệu số 9, trang 28).

## 3. Vai trò của lòng tin

Báo chí và các chuyên gia thường nói rằng khi nền kinh tế rơi vào suy thoái, điều cần làm là “Khôi phục lòng tin”. Đây là khái niệm mà J.P Morgan đưa ra sau sự sụp đổ của thị trường chứng khoán năm 1902.

Nhiều nhà kinh tế học cho rằng, đặc trưng quan trọng nhất và cơ bản nhất của con người kinh tế (Homo oeconomicus) là sự tính toán giữa lợi ích và chi phí và thường hay bỏ qua khía cạnh của “niềm tin” trong cách ứng xử giữa con người với nhau trong xã hội. Theo C.Koenig và G. Van Wijk (1992), sự tin cậy là một thứ “khé ước mặc nhiên” giữa con người với nhau. Sự tin tưởng vừa là phương tiện, vừa là biểu hiện, vừa là kết quả của các mối quan hệ xã hội. Đây là một trong những điều kiện căn bản để có thể duy trì đời sống tập thể, nó nằm trong mối kết cấu của các mối quan hệ xã hội. Người ta không thể hợp tác với nhau nếu thiếu niềm tin.

Trong một xã hội nếu thiếu lòng tin thì sớm muộn sẽ làm suy giảm tiềm lực đáp ứng đòi hỏi phát triển của cả một hệ thống. “Do

thiếu lòng tin, nhiều yêu cầu vốn chỉ có thể được thỏa mãn trong dài hạn sẽ đòi hỏi phải được đáp ứng cùng một lúc và thời gian ngắn, điều ấy sẽ phá vỡ các khả năng đáp ứng của toàn hệ thống. Dường như chúng ta đang ở đúng vào thời điểm nguy kịch này” (Luhmann, trích theo tài liệu số 9, trang 12).

Niềm tin là yếu tố quan trọng đối với sự thịnh vượng của mỗi quốc gia. Nghiên cứu của Paul Zak (1996) về lòng tin ở 42 quốc gia với kết quả là có tương quan thuận chiều đơn giản giữa tỷ lệ đầu tư quốc gia và lòng tin và vì thế “khi lòng tin thấp, đầu tư sẽ chậm lại. Mỗi tương quan dương tương tự cũng tồn tại giữa tăng trưởng GDP và lòng tin”(12, tr 303).

Các cơ hội kinh tế quyết định mối quan hệ giữa lòng tin và sự thịnh vượng, Paul Zak, giáo sư kinh tế tại Đại học Claremont (1996) giải thích như sau: Lòng tin tạo điều kiện cho các giao dịch bằng cách làm giảm một số yếu tố ngẫu nhiên phải xem xét khi “tiến hành thương vụ”. Một thương vụ được cột đầu bằng cái bắt tay giữa những người đứng đầu chỉ có thể xảy ra khi có lòng tin cao độ. “Chúng ta hợp tác trong thương vụ này, giờ hãy để các luật sư soạn thảo các điều khoản cụ thể!”. Ngược lại, khi lòng tin thấp, đàm phán bị kéo dài và do đó sẽ tốn kém hơn. Khi chi phí giao dịch tăng, số lượng giao dịch sẽ giảm khiến tỷ lệ đầu tư và tăng trưởng kinh tế đều giảm. Lòng tin là một trong những chất kích thích mạnh nhất đối với đầu tư và tăng trưởng mà các nhà kinh tế học đã khám phá ra. Để tìm hiểu tại sao một số nước nghèo trong khi các nước khác giàu có, điều cốt yếu là phải hiểu được cơ sở của lòng tin giữa các cá nhân. Theo ông, để một quốc gia thịnh vượng, tất yếu phải tối đa hóa một số tương tác xã hội tích cực giữa các thành viên nhằm thúc đẩy sự tin tưởng lẫn nhau. Danh sách các tương tác xã hội này là: *bảo vệ các quyền tự do công dân, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do đi lại (đường sá và cơ sở hạ*

*tàng an toàn), tự do liên lạc (hệ thống điện thoại đảm bảo), hệ thống giáo dục đại chúng, hệ thống ngân hàng đáng tin cậy, đồng tiền ổn định và đặc biệt tự do thương mại.* Thậm chí Zak còn lượng hóa được rằng, nếu tỷ lệ người dân trong một quốc gia cảm thấy người xung quanh đáng tin tưởng tăng lên 15% sẽ làm thu nhập bình quân đầu người tăng lên 1% mỗi năm sau đó. Paul Zak cũng đo lường được các mối tương quan về lòng tin:

Hệ số tương quan giữa tự do kinh tế và lòng tin = 0.31

Hệ số tương quan giữa tự do kinh tế và GDP bình quân đầu người = 0.74

Hệ số tương quan giữa lòng tin và GDP bình quân đầu người = 0.46

Các nghiên cứu về kết quả của các sự kiện thể thao cho thấy mối liên hệ giữa những sự kiện được kỳ vọng sẽ tác động đến lòng tin và sau đó là các hành vi kinh tế. Các sinh viên đại học cho rằng kết quả của mình sẽ được cải thiện khi đội bóng rổ của trường dành được chiến thắng hơn là thất bại (Hirt và cộng sự, 1992). Trong những ngày sau khi đội bóng địa phương chiến thắng, doanh thu bán vé số tăng (Arkes và cộng sự, 1988). Hơn thế nữa, người ta cũng chỉ ra rằng những hiệu ứng của các sự kiện thể thao lên lòng tin cũng tác động đến kết cục kinh tế. Một nghiên cứu về bóng đá quốc tế ở 42 quốc gia từ năm 1973 đến 2004 phát hiện ra rằng, tỷ lệ lợi nhuận trung bình hàng ngày của các khoản đầu tư vào thị trường chứng khoán là 0.06% (tương đương với 15.6% c một năm). Nhưng tỷ lệ lợi nhuận của thị trường một quốc gia nhất định vào ngày sau khi đội bóng nước này để thua một nước khác là -0.13%, và mức lợi nhuận ngày của một quốc gia bị loại khỏi giải đấu là -0.23% (Edmans và cộng sự, 2007).

Trong học thuyết vĩ mô của John Keynes có một khái niệm được gọi là bội số lòng tin.

Khi tổng cầu trong nền kinh tế thấp, chính phủ sẽ kích thích nền kinh tế bằng cách gia tăng chi tiêu công, đổ tiền vào tay người dân, và người dân lại tiêu dùng những đồng tiền đó. Động thái kích thích ban đầu của chính phủ là vòng đầu tiên. Từng đô là mà chính phủ chi tiêu cuối cùng trở thành thu nhập của một số người, và khi tiền rơi vào tay, một phần sẽ được họ chi tiêu. Phần tiền đó được gọi là Khuynh hướng tiêu dùng biên (MPC – Marginal Propensity to Consume). Từ đó, khoản tăng ngân sách chi tiêu ban đầu biến thành vòng quay chi tiêu vòng thứ hai, lần này của người dân chứ không phải của chính phủ. Rồi khoản chi tiêu này lại trở thành thu nhập của nhiều người nữa, với tổng chi tiêu bằng MPC. Những người này đến lượt mình đã chi tiêu một phần của MPC, khoản này gọi là MPC bình phương. Đây là vòng quay thứ ba. Câu chuyện cứ tiếp diễn liên tục. Vòng quay chi tiêu này nối tiếp vòng quay kia, và tổng chi tiêu đô la đầu tiên của chính phủ có thể tính bằng công thức  $1\$ + MPS$

$$MPC^2 + MPC^3 + MPC^4 + \dots = \frac{1}{1-MPC}$$

Đây chính là Bội số Keynes. Kết quả có thể lớn hơn rất nhiều so với kích thích ban đầu của Chính phủ. Nếu MPC =0.5 thì bội số Keynes sẽ là 2, nếu MPC =0.8 thì bội số Keynes bằng 5. Tuy nhiên bội số Keynes có thể diễn ra khi người dân và các doanh nghiệp có niềm tin vào tương lai và tin vào những người khác cũng chi tiêu như mình và một lượng nhỏ chi tiêu công có thể đem lại khuyến đại rất lớn. Nếu có sự sụt giảm thực tế tuy rất nhỏ về chi tiêu vì người ta phản ứng thái quá khi lo sợ thị trường chứng khoán sụp đổ hay mất lòng tin về tương lai, thì đó là một khoản kích thích tiêu cực của chính phủ. Trong thực tế nếu người dân thiếu lòng tin vào hệ thống ngân hàng thì nguồn tiết kiệm không đổ vào ngân hàng thì sẽ dẫn tới thiếu

hụt về tín dụng và ảnh hưởng lớn đến đầu tư quốc gia.

#### 4. Lòng tin và thể chế

##### 4.1. Một số quan điểm về thể chế

Có nhiều quan điểm về thể chế. Thorstein Veblen (1857 - 1929) (trích theo tài liệu số 1 trang 10 và 11) đã đưa ra một trong những định nghĩa đầu tiên về thể chế. Theo T.Veblen, “*Thể chế là tính qui chuẩn của hành vi hoặc các qui tắc xác định hành vi trong những tình huống cụ thể, được các thành viên của một nhóm xã hội chấp nhận về cơ bản, và sự tuân thủ các qui tắc đó là do bản thân tự kiểm soát hoặc do quyền lực bên ngoài khống chế*”. (Veblen 1904)

Tương tự, North (1990) cho rằng “*Thể chế là những luật lệ được hình thành trong đời sống xã hội, hay đúng hơn, đó là những luật lệ do con người tạo ra để điều tiết và định hình các quan hệ giữa con người*”. Nhà kinh tế học được giải Nobel kinh tế năm 1993 này tiếp tục nghiên cứu, thể hiện rõ ràng và cụ thể hơn quan niệm về thể chế của mình: *đó là các ràng buộc do con người tạo ra nhằm để cấu trúc các tương tác giữa người với người về chính trị, kinh tế và xã hội* (1991,1997). Thể chế bao gồm những quy tắc chính thức (hiến pháp, các luật và quyền sở hữu), các ràng buộc phi chính thức (những điều được thừa nhận, cảm đoán theo phong tục và tập quán, truyền thống và đạo lý kiểu phép vua thua lệ làng ngày trước), và các đặc điểm thi hành chúng. Đây là một định nghĩa được sử dụng rộng rãi và phổ biến nhất.

Wolfgang Kasper và Manfred E.Streit (1998) cho rằng, *thể chế là các qui tắc do con người lập nên, ràng buộc cách ứng xử khả dĩ tùy ý và cơ hội chủ nghĩa trong hoạt động tương tác của con người*. Theo hai tác giả này, các thể chế thường được chia sẽ trong cộng đồng và được áp đặt bằng một

hình thức chế tài nào đó. Những thể chế nào thiếu chế tài kèm theo thì đều vô dụng.

Theo Acemoglu và Robinson (2012), “*Thể chế là các qui tắc tác động đến sự vận hành của nền kinh tế và động cơ khuyến khích của dân chúng*”. Do đó, thể chế kinh tế sinh ra các luồng động lực và vạch ra giới hạn cho các tác nhân kinh tế, từ đó định hình kết cục kinh tế. Như vậy, chúng [các thể chế] là các quyết định xã hội, được chọn ra để xác định kết cục của chính chúng.

Cũng theo hai tác giả này, thể chế kinh tế chia thành hai loại: thể chế kinh tế dung hợp và thể chế kinh tế chiếm đoạt. Thể chế kinh tế dung hợp (inclusive economic institutions) là những *thể chế cho phép và khuyến khích sự tham gia của đại đa số dân chúng vào các hoạt động kinh tế, sử dụng tốt nhất tài năng và trình độ của họ, giúp các cá nhân thực hiện những lựa chọn mình mong muốn*. Để có tính dung hợp, các thể chế kinh tế phải *công nhận sở hữu tư nhân, phải có một hệ thống pháp luật không thiên vị, và phải cung cấp các dịch vụ công, mang lại một sân chơi bình đẳng, trong đó mọi người có thể trao đổi và ký kết hợp đồng; thể chế đó cũng cho phép thành lập các doanh nghiệp mới và cho phép người dân được chọn lựa sự nghiệp của họ* (Acemoglu và Robinson, 2012).

Thể chế kinh tế chiếm đoạt (extractive economic institutions) là *thể chế không có được các đặc trưng nêu trên mà ở đó, chúng được thiết kế để tước đoạt hay khai thác thu nhập hay của cải của nhóm này để phục vụ cho một nhóm khác. Nói một cách đơn giản là thu nhập hay của cải của số đông người dân được khai thác để phục vụ cho một nhóm nhỏ những người cầm quyền và một số ít đối tượng liên quan*.

Như vậy, dù có những sự khác biệt nhất định, nhưng nhìn chung, các quan niệm về thể chế bao hàm ba khía cạnh quan trọng

nhất là: Luật chơi (chính thức và phi chính thức), cơ chế thực thi và các tổ chức (gắn với hành vi của chúng) (World Bank 2002a).

#### 4.2. *Thể chế và mối quan hệ với lòng tin*

Một thể chế hữu hiệu và bền vững, nhất là thể chế kinh tế cần phải có tính tiên đoán và tạo được niềm tin cho người dân và xã hội với cả thế giới mở cửa.

Một trong những chức năng quan trọng của các thể chế là khiến cho quá trình tương tác phức tạp giữa con người với nhau trở nên dễ hiểu và dễ tiên đoán hơn, nhờ đó sự phối hợp giữa các cá nhân khác nhau diễn ra nhiều hơn và dễ dàng hơn. Trong bối cảnh một xã hội hỗn loạn và tình trạng vô chính phủ, sự phân công lao động không thể diễn ra vì những vấn đề về thông tin, giám sát và áp đặt thường không thể giải quyết. Những cam kết tin cậy không thể đưa ra được và mọi người tiếp tục kìm hãm nhau xuất phát từ chủ nghĩa cơ hội của mỗi người. Bằng cách góp phần điều chỉnh hành vi, các thể chế thiết lập nên sự tin tưởng cho họ phép con người tiết giảm chi phí hành động và tìm kiếm thông tin. Mặc dù cách ứng xử theo qui tắc không bao giờ chắc chắn 100%, nhưng nó vẫn được cảm nhận là khả dĩ hơn và đáng tin cậy hơn nhiều với tình trạng hỗn loạn. Trong những tình huống như thế, các thể chế đảm nhận chức năng then chốt là đơn giản hóa nhiệm vụ nhận thức bằng cách giảm thiểu độ phức tạp của thế giới. Khi tồn tại những mô thức chung để nhận biết tình thế và cách ứng xử, các chủ thể kinh tế có thể đối phó tốt hơn với những tình huống cụ thể trong cuộc sống, nhất là trong kinh tế. Vì thế các thể chế giúp con người hiểu hơn thế giới phức tạp và rối rắm xung quanh mình, nên có thể ở một mức độ nhất định chúng tránh cho họ không phải đối mặt với những bất ngờ khó chịu hay những tình huống mà họ không thể xử lý thỏa đáng. Các thể chế qua đó giúp chúng ta củng cố niềm tin và cho phép chúng ta mạo

hiêm với các thử nghiệm, trở nên sáng tạo và táo bạo, đồng thời khuyến khích người khác đưa ra ý tưởng mới của mình (Buchanan và Di Pierro, 1980) (tài liệu số 9, trang 126).

Chúng ta minh họa cách thức mà các qui tắc phù hợp giúp chúng ta xác lập sự tin tưởng và tại sao điều đó lại cần thiết cho sự tương tác hiệu quả, bằng các qui tắc trong bóng đá: chúng đặt ra một số qui định và hình phạt bắt buộc cho các lỗi vi phạm, chi phối hành động và cách ứng xử của các cầu thủ. Các qui tắc thì đơn giản và chắc chắn, do đó chúng dễ hiểu và trù tượng ở chỗ chúng không chỉ áp dụng cho một trận đấu hay một cầu thủ cụ thể, và vô hạn định ở chỗ chúng được áp dụng cho vô số trận cầu trong tương lai. Nhờ những đặc điểm này mà các qui tắc đó có khả năng định hình cách ứng xử của cầu thủ hay có tính “qui chuẩn” về hành vi con người, khiến chúng trở nên dễ tiên đoán. Bây giờ hãy tưởng tượng là các phẩm chất này không tồn tại. Trọng tài phán quyết nhất cử nhất động và bàn thắng một cách tùy ý. Thay vì các qui tắc trù tượng, ông ta sẽ quyết định tùy theo trường hợp, dành sự ưu ái cho một số cầu thủ và một số đội có cảm tình, có thể dựa trên tính tiện lợi mà liên tục thay đổi các qui tắc ngầm định. Trận đấu bóng đá ấy sẽ kết thúc trong hỗn loạn và xung đột và có thể không bao giờ diễn ra. Thậm chí hành loạt quyết định của trọng tài cũng không có khả năng phối hợp các cầu thủ hai đội. Tương tự, các hoạt động tương tác dân sự và kinh tế mà thiếu các qui tắc tin cậy thì sẽ nhanh chóng đổ vỡ.

Công dân của một đất nước, ở đó sự ổn định giá trị đồng tiền đảm bảo bằng các thể chế đáng tin cậy có thể tin tưởng nhiều hơn vào tiết kiệm và đầu tư vào tài sản tiền tệ hay việc tài trợ cho những phần vốn cần thiết cho công cuộc phát triển kinh tế. Người ta nhận thấy rằng chính sự tồn tại các qui tắc tiền tệ giản đơn lại có xu hướng tạo ra tác động bình

õn tự phát lên tổng cầu (Simon, 1948). (tài liệu số 9, trang 127).

Trong thương mại, theo Erin A ÓHara (13, trang 328), các thể chế giúp đảm bảo tính khả thi của thương mại: các trung gian phi chính thức đóng vai trò môi giới giữa những người lạ, cả hai bên thậm trí không biết nhau mà chỉ biết và tin tưởng người môi giới. Những người bán lẻ xung quanh khu vực bạn sống chính là trung gian giữa nhà sản xuất và bạn. ÓHara lưu ý rằng pháp luật về hợp đồng sẽ tạo ra cảm giác tin cậy theo ba cách: (i) Nếu cả hai bên biết rằng hợp đồng của họ sẽ được thực thi thông qua thẩm quyền của tòa án, họ có thể tin tưởng giao dịch với người lạ dù không có trung gian; (ii) Tính linh hoạt của hợp đồng cho phép các bên điều chỉnh thỏa thuận của họ cho phù hợp với mong muốn cụ thể; (iii) Các qui định về giải thích hợp đồng và cách hành xử của các bên sẽ đặt tiền lệ cho các hợp đồng trong tương lai cũng như cho tòa án, nơi có nhiệm vụ giải thích chúng khi thụ lý các vụ kiện vi phạm hợp đồng. “Các điều khoản hợp đồng có tác dụng ngăn ngừa các bên lợi dụng đối tác, đồng thời cho họ linh hoạt cao độ trong việc định hình các giao dịch và mối quan hệ nhằm đáp ứng sự quan tâm riêng về Lòng tin”. ÓHara giải thích.

Các mạng lưới của lòng tin và thể chế xã hội thực thi chúng gắn như gắn chặt vào văn hóa và tâm lý con người tới mức chúng gần như là hiển nhiên trong thế giới hiện đại toàn cầu hóa. Mạng lưới lòng tin nơi chúng ta sống hoàn hảo và gắn vào các hoạt động tới mức chúng ta chỉ nhận ra nó khi có điều gì không ổn. Ngay cả khi mạng lưới bị phá vỡ thì các lớp vỏ bọc bên ngoài của lòng tin vẫn còn đó. Nếu cảnh sát và lực lượng phòng cháy không đảm bảo an toàn cho ngôi nhà của tôi, tôi sẽ tin tưởng công ty bảo hiểm tôi đã ký hợp đồng sẽ chấp nhận đền bù thiệt hại. Rất nhiều cấp độ an ninh tài chính cho

tôi lòng tin rằng ngân hàng nơi tôi gửi tiền không phá sản, đồng tiền sẽ tương đối ổn định, lạm phát sẽ được kiểm soát và các khoản đầu tư dài hạn của tôi sẽ đem lại kết quả khả quan hơn các con số nhị phân trên màn hình máy tính. Hệ thống pháp luật hiệu quả và mạnh sẽ uốn nắn các nhà sản xuất cung cấp thực phẩm không an toàn, điều chỉnh hành vi của nhà nước khi cung cấp nước và điện cho người dân....

Mạng lưới của lòng tin bao phủ lên tất cả lĩnh vực chúng ta đang làm, và nếu không có nó chúng ta sẽ thành những kẻ xa lạ trên mảnh đất hoang.

Theo North, vấn đề là tạo ra các thể chế có thể đưa ra những cam kết đáng tin cậy để có thể tiên hành những mặc cả có hiệu quả hơn. (10, tr 118)

Theo Bastiat “Mục đích của chính phủ là đảm bảo quyền sống, quyền tự do và tài sản của các cá nhân”. Nếu không có sự bảo đảm như thế thì cuộc sống của con người luôn trong tình trạng sợ hãi, mất niềm tin, cướp bóc xảy ra thường xuyên và luôn chỉ lo tự vệ bản thân, lo đến cá nhân và quên đi mục tiêu công cộng và xã hội. Nếu chính phủ làm được việc bảo vệ các quyền chính đáng của con người thì xã hội sẽ phát triển hài hòa, yên bình sẽ ngự trị, niềm tin là vốn xã hội gia tăng và mọi người sẽ làm việc chăm chỉ, sáng tạo và hiệu quả để cải thiện đời sống của bản thân và xã hội, mối liên kết dọc ngang được

hình thành thúc đẩy phân công lao động và thương mại.

Tuy nhiên chính phủ có thể quay sang chống lại những người mà nó có trách nhiệm bảo vệ tài sản của họ. Đây là lúc cướp bóc hợp pháp xảy ra, trong đó nhiều cá nhân và nhóm lợi ích sử dụng quyền lực của nhà nước nhằm ngăn cản các đối thủ, cản trở họ tham gia cạnh tranh và ngăn chặn cơ hội kinh doanh của những người khác trong và ngoài nước. Đây chính là ăn cắp hợp pháp tài sản của người dân.

Theo Bastiat, cướp bóc hợp pháp có hai nguồn gốc. Thứ nhất, một nhóm người coi nó là phương tiện tìm kiếm của cải dễ dàng hơn là lao động và sản xuất. Họ sử dụng quyền lực chính trị để tái phân phối những thứ mà họ không muốn hoặc không có khả năng nhận được từ những người bên cạnh thông qua trao đổi tự nguyện trên thị trường cạnh tranh. Nói cách khác, một trong những cơ sở của cướp bóc hợp pháp là tư tưởng ăn ắp bị hiểu sai!

Nguồn gốc thứ hai của cướp bóc hợp pháp và nguy hiểm hơn nhiều là não trạng kiêu căng của những kẻ lĩnh vai trò thiết kế xã hội. (1, tr 37- 39).

## 5. Thực trạng doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

**Bảng 1.** Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện phân theo thành phần kinh tế

	Tổng số	Kinh tế Nhà nước	Kinh tế ngoài nhà nước	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
Giá thực tế (Tỷ đồng)				
2010	830.278,0	316.285,0	299.487,0	214.506,0
2011	924.495,0	341.555,0	356.049,0	226.891,0
2012	1.010.114,0	406.514,0	385.027,0	218.573,0
2013	1.094.542,0	441.924,0	412.506,0	240.112,0

	<b>Tổng số</b>	<b>Kinh tế Nhà nước</b>	<b>Kinh tế ngoài nhà nước</b>	<b>Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài</b>
2014	1.220.704,0	486.804,0	468.500,0	265.400,0
Sơ bộ 2015	1.367.205,0	519.505,0	529.600,0	318.100,0
<b>Cơ cấu(%)</b>				
2010	100,0	38,1	36,1	25,8
2011	100,0	37,0	38,5	24,5
2012	100,0	40,3	38,1	21,6
2013	100,0	40,4	37,7	21,9
2014	100,0	39,9	38,4	21,7
Sơ bộ 2015	100,0	38,0	38,7	23,3
<b>Giá so sánh 2010 (Tỷ đồng)</b>				
2010	830.278,0	316.285,0	299.487,0	214.506,0
2011	770.087,0	287.242,0	298.093,0	184.752,0
2012	812.714,0	325.918,0	309.321,0	177.475,0
2013	872.124,0	351.005,0	328.007,0	193.112,0
2014	957.630,0	379.694,0	366.118,0	211.818,0
Sơ bộ 2015	1.044.976,0	397.040,0	404.763,0	243.173,0
<b>Chỉ số phát triển (Năm trước = 100)-%</b>				
2010	108,8	99,3	120,1	110,0
2011	92,8	90,8	99,5	86,1
2012	105,5	113,5	103,8	96,1
2013	107,3	107,7	106,0	108,8
2014	109,8	108,2	111,6	109,7
Sơ bộ 2015	109,1	104,6	110,6	114,8

*Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2016*

Nhìn vào bảng số liệu giai đoạn 2010 - 2015 chúng ta vẫn thấy đầu tư của khu vực nhà nước gần tương đương với khu vực ngoài nhà nước. Điều này cho thấy khu vực nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng đầu tư. Phân tích những trường hợp tăng trưởng cao bền vững, Michael Spence (2011), Nobel kinh tế năm 2001, cho thấy

đầu tư của khu vực công cần ở khoảng 5% đến 7% để duy trì mức tăng trưởng 7% một năm.

Trong giai đoạn 2010 – 2015 tổng đầu tư của toàn xã hội chiếm bình quân khoảng 27% GDP (nguồn: [http://www.economywatch.com/economic-statistics/economic-indicators/Investment\\_Percentage\\_of\\_GDP](http://www.economywatch.com/economic-statistics/economic-indicators/Investment_Percentage_of_GDP)) .

Đầu tư công bình quân khoảng 39% tổng đầu tư, do vậy đầu tư công chiếm bình quân 10.5% GDP. Như vậy khu vực nhà nước đầu tư nhiều hơn bình quân của các nước tăng trưởng 7% khoảng 3.5 điểm % GDP, điều này làm cho khu vực ngoài nhà nước giảm đi tương ứng 3.5 điểm % GDP trong đầu tư. Theo các số liệu thống kê, khu vực ngoài nhà nước đầu tư hiệu quả hơn gấp 3 lần đầu tư công, vì vậy cần giảm tỷ lệ đầu tư của khu vực nhà nước cho dù Việt Nam vẫn phải đầu tư nhiều cho cơ sở hạ tầng cứng và mềm.

Hiện nay trong dân cư có khoảng 500 tấn vàng, tương ứng 22 tỷ đô la Mỹ. Đây là một số vốn không nhỏ nếu đưa số tiền này vào đầu tư cho nền kinh tế. Nếu người dân tin tưởng vào tương lai họ sẽ không tích lũy tài sản dưới dạng vàng mà học sẽ đầu tư kinh doanh trong dài hạn. Vì vậy chính phủ phải có cách thức và giải pháp hiệu quả để sử dụng vốn 500 tấn vàng này.

Theo UN DESA (ủy ban kinh tế và xã hội của Liên Hợp Quốc), từ năm 1990 đến 2015 đã có 2.558.678 người Việt di cư ra nước ngoài (trung bình mỗi năm gần 100 ngàn người). Theo World Bank (năm 2013), Việt Nam là một trong 10 quốc gia có nhiều người di cư nhất khu vực Đông Á-Thái Bình Dương. Người Việt Nam ra nước ngoài hoặc giàu có hoặc tài năng hoặc cả hai đặc điểm trên. Nếu giả định một hộ gia đình có bình quân 5 người và mỗi hộ mang gia nước ngoài khi định cư khoảng 500 ngàn đô la Mỹ thì số tiền ra khỏi Việt Nam là khoảng 250 tỷ USD, đây là con số khổng lồ và số lớn hơn nhiều so với FDI được thực hiện tại Việt Nam (trong 30 năm qua có khoảng 300 tỷ USD vốn đăng ký FDI nhưng chỉ thực hiện được khoảng 160 tỷ USD, Nguyễn Mai 2017).

Hiện nay người dân đầu tư rất nhiều tiền bạc vào thị trường bất động sản.

Tỷ lệ tiết kiệm của Việt Nam vào khoảng 29% GDP (16). Theo tính toán của cá nhân

thì khoảng 20% tiết kiệm sẽ được đầu tư vào BĐS, tức là khoảng 11 tỷ USD, chưa tính 2 tỷ USD ngoại hối đầu tư vào BĐS. Nếu 13 tỷ USD này đầu tư vào các DN tư nhân sẽ làm cho kinh tế Việt Nam phát triển bền vững trong dài hạn.

Như vậy chúng ta đã thấy số lượng vốn rất lớn ở Việt Nam đã được người dân mua vàng tích trữ, mang ra nước ngoài hoặc đầu tư vào BĐS với tổng số vốn ước tính là khoảng gần 500 tỷ USD. Theo chúng tôi, người dân không muốn đầu tư để các DN tư nhân của Việt Nam phát triển bởi một số nguyên nhân sau đây:

*Thứ nhất*, người dân không có lòng tin vào kinh tế trong dài hạn bởi các DNNN vẫn có nhiều ưu thế và được ưu đãi về vốn và nhất là đất đai.

*Thứ hai*, hệ thống pháp luật còn thiên vị đối với khu vực kinh tế nhà nước. Luật Doanh nghiệp có hẳn một chương về DNNN, đây là một hình thức không công bằng về pháp luật với các DN tư nhân.

*Thứ ba*, nhà nước vẫn chưa cung cấp hiệu quả các dịch vụ công. Trong đó có giáo dục công, y tế công, công viên, sân chơi dành cho trẻ em...

*Thứ tư*, nhà nước còn chậm chạp trong việc thực hiện các cơ sở hạ tầng cứng và mềm. Việc thực hiện các dự án đường xá, cầu cống còn nhiều nhiều chệch và thường đội vốn và kéo dài. Văn bản pháp luật chưa theo kịp đời sống kinh tế.

*Thứ năm*, nhà nước chưa mong muốn và cố gắng sử dụng tốt nhất tài năng và trình độ của người dân, giúp các cá nhân thực hiện những lựa chọn mình mong muốn. Việc con ông cháu cha được ưu tiên tuyển dụng ở các vị trí lãnh đạo còn xảy ra nhiều. Việc chạy chức chạy quyền vẫn không giảm mà còn gia tăng. Các vụ gần đây như Trịnh Xuân Thanh, vụ con trai nguyên bộ trưởng Vũ Huy Hoàng, vụ Trần Vũ Quỳnh Anh ở Thanh Hóa... đã

làm giảm sút lòng tin vào các qui trình bổ nhiệm và kiểm soát bổ nhiệm cán bộ.

*Thứ sáu*, còn nhiều hiện tượng tham nhũng trong nền kinh tế. Theo Vũ Thành Tự Anh (2017), nếu bạn là doanh nghiệp nhỏ, hoặc rất nhỏ, thậm chí là một doanh nghiệp phi chính thức, bạn có thể không phải trả các khoản bồi trơn vì bạn vô hình theo một nghĩa nào đó. Nhưng khi bạn trở nên hữu hình, có giấy phép kinh doanh, bạn lớn lên trong con mắt thanh tra, trong con mắt thuế vụ, phòng cháy chữa cháy, công an...”. Điều này đồng nghĩa với chi phí vận hành DN sẽ tăng nhanh. Với các DN lớn, họ có thể chịu đựng những chi phí này, nhưng với nhóm DN nhỏ đến trung bình, đây sẽ là một bài toán nan giải. Theo nghiên cứu của Lê Đăng Danh (2015) VCCI (2016), chi phí không chính thức là nguyên nhân khiến doanh nghiệp muốn tạo ra 1 đồng lợi nhuận cần phải trả 0,7-1 đồng tiền chi phí. Đây là một rào cản để DN trong nước phát triển thành các DN lớn tầm quốc tế để sử dụng lợi thế kinh tế theo qui mô khi sản xuất càng nhiều chi phí trung bình càng giảm bởi lợi nhuận thay vì được 2 đồng thì chỉ còn 1 đồng và lợi nhuận càng nhiều thì đầu tư cho phát triển và công nghệ càng lớn, công nghệ là động cơ quan trọng nhất để các DN phát triển và bơi ra biển lớn cạnh tranh với nước ngoài.

*Thứ bảy*, việc đảm bảo an toàn tài sản và an toàn bảo vệ của chính phủ đối với người dân còn rất hạn chế, nhất là tại các thành phố lớn như TP.HCM, Hà Nội. Trộm cắp và cướp giật xảy ra thường xuyên ở các thành phố lớn. Tác giả đã từng làm khảo sát nhỏ từ 2 trường đại học ở TP.HCM thì gần 50% số người được hỏi đã bị giật túi sách, điện thoại... ở ngoài đường...

## **6. Một số giải pháp về thể chế nhằm nâng cao lòng tin cho nhân dân.**

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc (2016) khẳng định xây dựng thể chế là công việc rất quan trọng, là khâu đột phá mà Đảng, Nhà

nước đã xác định, kìm hãm hay phát triển chính là do thể chế, do vậy cần phải dành nhiều thời gian hơn nữa cho công tác xây dựng thể chế. Thủ tướng cũng nhắc đi nhắc lại câu nói: Thể chế, thể chế và thể chế” của một chuyên gia tiên phong về thể chế Douglass North (1920 – 2015, Nobel kinh tế 1993) và câu nói nổi tiếng không kém: Sự khác biệt về thể chế cuối cùng sẽ dẫn đến sự khác biệt về thành quả phát triển (North 1990,1994).

Nâng cao chất lượng thể chế tại Việt Nam, nhất là thể chế kinh tế là một nhiệm vụ sống còn để đảm bảo cho nền kinh tế “*đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh*” Mục tiêu của việc đổi mới thể, theo chúng tôi, cần tập trung vào các điểm sau đây: đó là các tiêu chí tiếng nói và trách nhiệm giải trình (V), hiệu quả của các chính quyền các cấp (G), chất lượng thực thi chính sách (R), tuân thủ pháp luật (L) và kiểm soát tham nhũng (C).

### **6.1. Đề cao tiếng nói của người dân và trách nhiệm giải trình của các cơ quan chức năng nhà nước**

“*Việc tiếng nói của người dân được tôn trọng là rất quan trọng đối với việc ra các quyết sách, đây chính là việc mở rộng thêm quyền tự do để dân chúng có tiếng nói hơn và được tôn trọng hơn, bao gồm cả thảo luận công cộng và các quyết định chính trị có sự tham gia của người dân*” (Sen, 1998, 11 trang 147). Thảo luận công cộng có tính phê phán là một yêu cầu quan trọng không thể né tránh của một chính sách công đúng đắn. Hơn nữa, theo Sen (1998), ở một quốc gia mà nhà nước giữ vai trò chủ chốt trong lĩnh vực kinh tế thì cần phải có và tuân thủ chế độ dân chủ thực sự để người dân quan tâm và tham gia trực tiếp vào các quyết định và các chính sách lớn của đất nước nhằm giảm thiểu sự tồn tại của lợi ích nhóm.

Thuật ngữ Trách nhiệm giải trình được hàm ý rằng, thông tin chính xác và dễ tiếp cận là cơ sở để đánh giá xem một công việc có được thực hiện tốt hay không. “*Trách nhiệm giải trình cũng gồm các cơ chế khen thưởng, xử phạt đúng đắn để khuyến khích hiệu quả làm việc hiệu quả*” (North, 1998). Cải cách thể chế cần đi theo hướng: (i) Thiết kế cơ chế và thể chế giám sát theo nguyên tắc quyền lực nhà nước ở tất cả các cấp, các cá nhân, cơ quan Nhà nước đều phải được giám sát chặt chẽ bởi một hay nhiều thể chế độc lập; (ii) Quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm giải trình trong việc sử dụng vốn, tài sản nhà nước về những quyết định đã được ban hành và được thực hiện. Quy định sự giám sát như vậy phù hợp với thông lệ quốc tế, nhằm giảm thiểu lạm dụng quyền lực hoặc trốn tránh trách nhiệm để phục vụ lợi ích tư nhân, lợi ích nhóm. Cụ thể cần thực hiện quyền giám sát chặt chẽ trong toàn bộ quá trình xây dựng và thực hiện ngân sách nhà nước, đầu tư công, mua sắm công, quyết định về đất đai, khai thác tài nguyên v.v... Mọi loại thuế, phí phải do Quốc hội hoặc các cơ quan dân cử quyết định trên cơ sở tham khảo ý kiến công khai của người dân; (iii) Thực hiện nghiêm minh giám sát đối với quyền sở hữu Nhà nước trong các DNNN, nhất là đối với các tập đoàn và tổng công ty Nhà nước. Các tập đoàn và tổng công ty nhà nước phải được quản lý chặt chẽ theo pháp luật, dưới sự giám sát của các Ủy ban của Quốc hội.

### **6.2. Đảm bảo quyền bình đẳng kinh tế giữa các thành phần và khu vực kinh tế**

Acemoglu và Robinson (2005) đã đưa ra hai yếu tố để một thể chế được gọi là tốt, đó là thể chế này phải cung cấp (i) sự bảo hộ cho quyền tài sản và (ii) khả năng tiếp cận công bằng các nguồn lực kinh tế trên diện rộng xã hội (1, tr 12). Chính vì hai thuộc tính này, các thể chế, nhất là thể chế kinh tế cần

đảm bảo quyền bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh với các cơ hội kinh tế và tiếp cận các nguồn lực như nhau. Theo William A. Niskanen thì: “*Mục tiêu của Hiến pháp là khoan định quân đảo quyền lực của nhà nước giữa đại dương các quyền cá nhân*” (W. Kasper và M.E. Streit, 1998.). Hay nói một cách khác, Hiến pháp giới hạn quyền lực tập thể, bảo vệ lãnh địa thiêng liêng của tự do cá nhân và hạn chế chủ nghĩa cơ hội của người đại diện cùng hiện tượng ăn theo.

### **6.3. Nâng cao chất lượng bộ máy hành chính**

Để thực thi tốt và hiệu quả các thể chế và chính sách thì những người thi hành trực tiếp phải có những kiến thức lý thuyết và thực tế chuyên sâu và bản lĩnh chính trị vững vàng. Theo số liệu của Bộ Nội vụ (2012), Tính đến ngày 31-12-2012 cả nước có 535.528 cán bộ, công chức, 1.699.288 viên chức. Trong đó, đội ngũ cán bộ, công chức có 2.209 tiến sĩ (0,4%), 19.666 thạc sĩ (3,7%), 278.198 cử nhân (đại học) (51,9%); số công chức đã được đào tạo về lý luận chính trị là 251.110 người (46,9%). Trong số viên chức có 12.199 tiến sĩ (0,7%), 70.923 thạc sĩ (4,2%), 731.506 cử nhân đại học (43%). Như vậy, ít nhất về số lượng viên chức chưa đạt yêu cầu, khoảng 44% viên chức có bằng dưới đại học, trung cấp trở xuống vẫn còn 33%, tức là cứ 3 viên chức có 1 người trình độ dưới cao đẳng. Để nâng cao chất lượng viên chức, theo chúng tôi, cần tinh giảm biên chế. Hơn nữa, tinh giảm biên chế giúp chúng ta bắn một phát trúng được hai mục tiêu. Thứ nhất, làm tăng thu nhập của những người còn lại. Thứ hai, sẽ gây áp lực cho những cán bộ, công chức, viên chức còn lại, bởi họ phải làm việc hiệu quả, năng suất hơn nếu không muốn mình bị rơi vào “Qui hoạch” tinh giảm biên chế, đồng thời giảm được tình trạng “cha chung không ai khóc”, nhiều người đi làm nhưng ít người làm việc đàng hoàng.

#### **6.4. Tăng cường sự tuân thủ pháp luật của người dân**

Sự tuân thủ nghiêm chỉnh các thể chế sẽ làm cho xã hội có trật tự hơn, hành vi của các chủ thể dễ tiên đoán hơn và cuộc chơi trở nên minh bạch, sòng phẳng, công bằng và thuận lợi hơn. Chính vì thế, theo chúng tôi, cần có những chế tài mang tính răn đe và trừng phạt công bằng, công khai thì mới có thể nâng cao được ý thức chấp hành pháp luật của người dân đất Việt. Tất nhiên, những người được phép xử phạt phải là những công dân tốt, trung thực và hiền hòa họ phải gương mẫu chấp hành pháp luật. Bản thân khu vực nhà nước, được chiều chuộng và ưu đãi nhiều, cũng cần phải là một tấm gương để các khu vực kinh tế khác noi theo trong việc chấp hành pháp luật để đảm bảo hiệu lực của luật pháp, bằng không dân chúng sẽ rất nhờn với hệ thống thể chế của đất nước.

#### **6.5. Giải pháp chống tham nhũng**

Tham nhũng tràn lan làm xói mòn lòng tin của người dân, làm giảm mong muốn đầu tư của các doanh nghiệp tư nhân, làm tăng chi phí phi chính thức đối với nền kinh tế. Mà lòng tin là yếu tố cực kỳ quan trọng để xây dựng một thể chế hiệu quả, chi phí của nền kinh tế gia tăng ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh quốc gia. Ham muốn ăn cắp tất cả mọi thứ không từ bỏ được là một trong những nhân tố giết chết sự phát triển rõ ràng nhất mà các quan chức chính phủ phải đối mặt.

Theo *Transparency International 2016* cho thấy chúng ta đứng thứ 112 trên tổng số 167 nước được xếp hạng, có nghĩa là chúng ta chỉ đứng trên 33% các nước tham nhũng nhất, hay chúng ta đứng trong top 1/3 các nước tham nhũng nhất thế giới. Số liệu này cũng trùng khớp với số liệu của WB 2015, khi chúng ta đứng trên 34% các nước tham nhũng nhất. Mà tham nhũng là một chỉ số đánh giá chất lượng thể chế ở một quốc gia, cho nên việc chống tham nhũng là một việc

làm cấp bách và phải cương quyết xử lý tham nhũng. Theo chúng tôi, nên tập trung vào các vấn đề sau:

*Thứ nhất*, thành lập cơ quan phòng, chống tham nhũng hoàn toàn độc lập, hoạt động theo luật pháp dưới sự giám sát của Quốc hội và có thể của một tổ chức quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB) hay tổ chức Minh bạch quốc tế (TI),.

*Thứ hai*, thực hiện công khai, minh bạch, rộng rãi, phù hợp với chuẩn mực và tập tục quốc tế trong tất cả các hoạt động của các cơ quan, quan chức nhà nước có liên quan đến hoạt động kinh tế, đến đời sống người dân như nhiều nước đã áp dụng: công khai lịch công tác, số điện thoại giao dịch, chi phí cho các chuyến đi công tác, công khai tài sản và thu nhập, v.v...; công khai, minh bạch, thủ tục hành chính và quy trình tuyển chọn cán bộ, tiêu chuẩn cho từng chức vụ, công khai, minh bạch kết quả bỏ phiếu tín nhiệm đối với cán bộ. Quy định trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước về sử dụng vốn nhà nước, công khai rộng rãi trên báo chí.

*Thứ ba*, tiếp tục cải cách mạnh mẽ bộ máy hành chính, thực sự tinh giảm biên chế trong bộ máy nhà nước. Mạnh dạn bỏ chế độ công chức, viên chức, ký hợp đồng trung hạn, sẵn sàng sàng lọc những vị trí yếu kém để đảm bảo bộ máy nhà nước làm việc có hiệu quả, có tâm và có tầm.

*Thứ tư*, xử lý nghiêm minh và kiên quyết với các vụ tham nhũng, nhất là tham nhũng đất đai, tài sản và tài chính công. Phải tìm ra cho được những quan chức có trách nhiệm trong các vụ đầu tư công, không để tình trạng xử lý chung chung rồi hòa cả làng.

*Thứ năm*, giảm thiểu số văn bản thủ tục hành chính khoảng 30% nhằm giảm bớt chi phí hành chính cho xã hội. Theo thống kê của Dự án Sáng kiến cạnh tranh Việt Nam (Việt Nam CI) kết hợp với Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) cho thấy: từ

năm 2005-2008, Việt Nam đã ban hành 17.169 văn bản pháp luật, lớn hơn cả số văn bản pháp luật được ban hành trong 18 năm trước đó (14.641). Chỉ tính riêng cấp Trung ương, số văn bản pháp luật tăng đột biến lên 8.520 vào năm 2009. Tại các địa phương trong năm 2017, cơ quan tư pháp, pháp chế đã tham mưu ban hành 4.111 văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) cấp tỉnh (tăng 75 văn bản so với năm 2016); 3.682 VBQPPL cấp huyện (giảm 38,3% so với năm 2016); 18.434 VBQPPL cấp xã (giảm khoảng 55% so với năm 2016)<sup>ii</sup>. Tuy số lượng có giảm nhưng vẫn còn nhiều bất cập và nhiều khó khăn cho doanh nghiệp. Chuyên gia Việt Nam CI Scott Jacobs (2012) nhận xét: “Số lượng văn bản ngày càng tăng làm Việt Nam phải gánh chịu nhiều quy định phi thị trường tốn kém”.

#### **6.6. Giải pháp về nâng cao chất lượng thiết kế thể chế, hoạch định và thực thi chính sách**

Xây dựng thể chế là một hoạt động quản lý hợp qui luật khách quan có khả năng tạo nên động lực thúc đẩy tiến trình phát triển về mọi mặt của một quốc gia. Vấn đề là làm thế nào để có thể thiết lập được một thể chế kinh tế có chất lượng và mang tính dài hạn, đảm bảo cho người dân có động cơ đúng đắn trong việc kinh doanh và làm giàu cho bản thân và đất nước. Chất lượng thể chế phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố con người làm ra thể chế đó. Trong xu thế toàn cầu hóa và chuyên nghiệp hóa, chúng ta có thể nhập khẩu các thể chế tốt vào Việt Nam nhưng cần có những điều chỉnh để phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, lịch sử và văn hóa người Việt. Do vậy, những nhà lập pháp phải có tính chuyên nghiệp cao và phải có chuyên môn vững vàng để tạo lập ra các thể chế kinh tế không đan chéo và không mâu thuẫn với nhau. Các thể chế kinh tế không được mâu

thuẫn với bộ luật cao nhất của đất nước là Hiến pháp

Có một số nguyên tắc cơ bản mà các nhà làm luật và chính sách cần thấu hiểu để làm ra thể chế hiệu quả phục vụ đa số người dân. Theo WB (16, trang 87), có bốn yếu tố giúp xây dựng một hệ thống pháp luật ổn định, có chất lượng:

*Thứ nhất*, khi xây dựng một luật, phải xác định rõ luật đó sẽ điều chỉnh vấn đề gì.

*Thứ hai*, trong quá trình soạn thảo, phải xem xét các văn bản pháp luật liên quan khác để tránh sự không thống nhất gây khó khăn trong công tác thực thi.

*Thứ ba*, trong quá trình xây dựng luật, phải cân nhắc những tác động của luật đối với người dân và doanh nghiệp, đảm bảo rằng những lợi ích của luật phải lớn hơn chi phí.

*Cuối cùng*, phải xác định các vấn đề tiềm ẩn trong thực thi luật và khắc phục chúng trong quá trình soạn thảo. Mục tiêu của cơ quan soạn thảo là xây dựng được một luật điều chỉnh vấn đề đặt ra mà không gây thêm quá nhiều các vấn đề khác.

## **7. KẾT LUẬN**

Tạo dựng lòng tin không phải là công việc đơn giản một sáng một chiều mà là cả một quá trình tìm kiếm. Cách tốt nhất để tạo ra lòng tin là có một thể chế đáng tin cậy, tạo động lực cho khu vực tư nhân đầu tư vào đổi mới sáng tạo, một bước để các doanh nghiệp khởi nghiệp và dẫn tới tương lai Quốc gia khởi nghiệp. Chúng tôi tin tưởng rằng, người dân Việt Nam luôn có tinh thần kinh doanh cao, “Phi thương bất phú” với sự trợ giúp của nhà nước kiến tạo sẽ đưa dân tộc Việt Nam vươn lên tầm cao mới trong khu vực và trên toàn thế giới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- A. Sen (2002). *Phát triển là quyền tự do*. NXB Thống kê. Hà Nội.
- Daron Acemoglu, Simon Johnson, James A. Robinson (2005). *Institutions as the Fundamental Cause of Long-Run Growth*. Elsevier, North Holland (bản dịch của nhóm Đinh Tuấn Minh, chương 6).
- Daron Acemoglu, James A. Robinson (2013). *Tại sao các quốc gia thất bại*. NXB Trẻ. TP.HCM.
- Đinh Văn Ân và Võ Chí Thành (2002). *Thế chế - Cải cách thế chế và phát triển*. NXB Thống kê. Hà Nội
- George A. Akerlof, Robert J. Shiller (2011). *Tinh thần động vật*. NXB Thời đại. Hà Nội.
- Held David (2013). *Các mô hình quản lý nhà nước hiện đại*. NXB Tri Thức. Hà Nội
- M. Shermer (2010). *Sự tuyệt chủng của con người kinh tế*. NXB Thời đại. Hà Nội.
- Simon, H.C (1948). Rules versus Authorities in Monetary Policy, in H.C. Simon (ed). *Economic Policy for a free Society*, Chicago: university of Chicago press.
- Michael Spence (2012). *Sự hội tụ kế tiếp*. NXB Trẻ. TP.HCM
- Nhiều tác giả (2013). *Lòng tin và vốn xã hội*. NXB Tri thức. Hà Nội.
- North. C Douglass (1998). *Các thể chế, sự thay đổi thể chế và hoạt động kinh tế*. NXB KHXH và trung tâm nghiên cứu Bắc Mỹ. Hà Nội.
- Raymond Wacks (2011). *Triết học luật pháp*. NXB Tri thức. Hà Nội.
- Roger E.A Farmer (2016). *Cách nền kinh tế vận hành*. NXB Tri thức. Hà Nội.
- Vũ Thành Tư Anh (2017). <http://www.saigontax.net/nguyen-cuu-tinh-huong/item/836-ly-do-dn-chung-toi-khong-mu-n-l-n-khi-tr-nen-h-u-hinh-t-kh-c-toi-cung-l-n-len-trong-con-m-t-thanh-tra-thu-v-phong-chay-ch-a-chay.html>
- W. Easterly (2009). *Truy tìm căn nguyên tăng trưởng*. NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội
- W. Kasper và M.E. Streit (1998). *Institutional economics: Social order and public policy*. Cheltenham, UK and Northampton, MA, USA: Edward Elgar. Bản dịch của Lê Anh Hùng (2011).
- Worldbank (2010). Các thể chế hiện đại. Báo cáo phát triển Việt Nam 2010. Trung tâm phát triển thông tin Việt Nam. Hà Nội
- World Economic Forum. *Global Competitiveness Report 2015-2016*.  
[http://www.economywatch.com/economic-statistics/economic-indicators/Gross\\_National\\_Savings\\_Percentage\\_of\\_GDP/2015/](http://www.economywatch.com/economic-statistics/economic-indicators/Gross_National_Savings_Percentage_of_GDP/2015/)

<sup>i</sup> World Economic Outlook, April 2016

<sup>ii</sup> [baomoi.com/hoi-nghi-truc-tuyen-toan-quoc-trien-khai-cong-tac-tu-phap-nam-2018/c/24403039.epi](http://baomoi.com/hoi-nghi-truc-tuyen-toan-quoc-trien-khai-cong-tac-tu-phap-nam-2018/c/24403039.epi)